

Số: 01 /QĐ-ĐHNLBG-ĐT

Bắc Giang, ngày 04 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận trúng tuyển liên thông trình độ đại học
hình thức chính quy và vừa làm vừa học đợt tháng 01 năm 2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT và Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 sửa đổi các Khoản 3, 4, 5 (Điều 3) Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-ĐHNLBG ngày 08/5/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc ban hành Quy định tuyển sinh, đào tạo liên thông trình độ đại học;

Căn cứ biên bản của Hội đồng tuyển sinh ngày 04/01/2022 về việc xét công nhận trúng tuyển liên thông trình độ đại học đợt tháng 01 năm 2022;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận thí sinh trúng tuyển liên thông trình độ đại học hình thức chính quy và vừa làm vừa học đợt tháng 01 năm 2022.

(Có danh sách thí sinh theo ngành và hình thức đào tạo kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- BGH, CT HDT;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.



Mai Thị Huyền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

**DANH SÁCH THÍ TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC CHÍNH QUY VÀ VỪA LÀM VỪA HỌC ĐỢT THÁNG 01 NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 04 tháng 01 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT		 Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm xét tuyển	Ngành đăng ký xét tuyển	Hình thức đăng ký xét tuyển
1, Liên thông Cao đẳng - Đại học								
1	1	Nguyễn Huy	Bình	04/03/1997	Nam	7.0	Chăn nuôi	Chính quy
2	2	Nguyễn Đức	Nam	02/02/1982	Nam	6.3	Chăn nuôi	Chính quy
3	3	Nguyễn Thanh	Thành	11/04/1990	Nam	9.1	Công nghệ thực phẩm	VLVH
4	4	Phạm Văn	Cường	14/05/1988	Nam	8.8	Công nghệ thực phẩm	VLVH
5	5	Nguyễn Ngọc	Tân	09/11/1994	Nam	8.7	Công nghệ thực phẩm	VLVH
6	6	Bùi Công	Thắng	29/09/1989	Nam	8.7	Công nghệ thực phẩm	VLVH
7	7	Lê Thanh	Tin	12/03/1993	Nam	8.7	Công nghệ thực phẩm	VLVH
8	8	Đặng Hưng	Vương	15/07/1986	Nam	8.7	Công nghệ thực phẩm	VLVH
9	9	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên	08/06/1997	Nữ	8.6	Công nghệ thực phẩm	VLVH
10	10	Đào Anh	Tuấn	30/05/1989	Nam	8.6	Công nghệ thực phẩm	VLVH
11	11	Nguyễn Văn	Mười	09/09/1974	Nam	8.4	Công nghệ thực phẩm	VLVH
12	12	Nguyễn Thành	Luân	18/05/1992	Nam	8.2	Công nghệ thực phẩm	VLVH
13	13	Võ Trọng	Nhân	16/10/1994	Nam	8.2	Công nghệ thực phẩm	VLVH
14	14	Phan Nam	Sơn	14/12/1983	Nam	8.2	Công nghệ thực phẩm	VLVH
15	15	Trần Quang	Triều	08/08/1995	Nam	8.1	Công nghệ thực phẩm	VLVH
16	16	Tổng Thị	Thắm	15/10/1984	Nữ	7.9	Công nghệ thực phẩm	VLVH
17	17	Trần Thị	Chung	05/01/1984	Nữ	7.8	Công nghệ thực phẩm	VLVH
18	18	Nguyễn Thị Hằng	Nga	07/12/1991	Nữ	7.7	Công nghệ thực phẩm	VLVH
19	19	Võ Quan	Bình	24/05/1993	Nam	7.6	Công nghệ thực phẩm	VLVH
20	20	Lữ Hoàng	Thiên	25/12/1994	Nam	7.5	Công nghệ thực phẩm	VLVH
21	21	Lại Văn	Định	01/11/1988	Nam	7.4	Công nghệ thực phẩm	VLVH
22	22	Nguyễn Hồng	Quảng	19/03/1995	Nam	7.4	Công nghệ thực phẩm	VLVH
23	23	Châu Thị Như	Hà	17/12/1995	Nữ	7.3	Công nghệ thực phẩm	VLVH
24	24	Nguyễn Hữu	Tiền	07/08/1993	Nam	7.1	Công nghệ thực phẩm	VLVH
25	25	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/01/1992	Nữ	6.8	Công nghệ thực phẩm	VLVH
26	26	Lê Xuân	Huy	01/11/1986	Nam	6.7	Công nghệ thực phẩm	VLVH
27	27	Đoàn Kim	Thành	08/09/1994	Nam	6.7	Công nghệ thực phẩm	VLVH
28	28	Võ Minh	Sang	20/11/1988	Nam	6.6	Công nghệ thực phẩm	VLVH
29	29	Võ Thị Thanh	Tùng	12/12/1989	Nữ	6.6	Công nghệ thực phẩm	VLVH
30	30	Trần	Linh	05/09/1989	Nam	6.2	Công nghệ thực phẩm	VLVH
31	31	Nguyễn Thị Thanh	Lam	10/09/1997	Nữ	8.8	Kế toán	VLVH
32	32	Đào Thị Thùy	Linh	28/08/1996	Nữ	8.0	Kế toán	Chính quy
33	33	Hoàng Mạnh	Tùng	16/10/1984	Nam	7.7	Kế toán	Chính quy
34	34	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	10/08/1988	Nữ	7.5	Kế toán	VLVH
35	35	Nguyễn Văn	Long	04/06/1989	Nam	7.4	Kế toán	Chính quy
36	36	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	22/10/1981	Nữ	7.2	Kế toán	Chính quy
37	37	Ngô Quang	Hải	19/11/1989	Nam	6.6	Kế toán	Chính quy

TT		Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm xét tuyển	Ngành đăng ký xét tuyển	Hình thức đăng ký xét tuyển
38	38	Phạm Thị Huyền	Phương	14/11/1992	Nữ	5.5	Kế toán	Chính quy
39	39	Nguyễn Thùy	Trang	20/11/1993	Nữ	5.8	Quản lý đất đai	Chính quy
40	40	Trần Mạnh	Tường	03/02/1990	Nam	5.8	Quản lý đất đai	Chính quy
41	41	Lưu Xuân	Phong	18/11/1989	Nam	8.5	Thú y	Chính quy
42	42	Nguyễn Văn	Hiệp	14/10/2000	Nam	7.6	Thú y	Chính quy
43	43	Diêm Đình	Việt	13/12/1999	Nam	7.6	Thú y	Chính quy
44	44	Phạm Văn	Minh	18/05/1999	Nam	7.0	Thú y	Chính quy
45	45	Nguyễn Như	Minh	11/11/1999	Nam	6.9	Thú y	Chính quy

2, Liên thông trình độ đại học đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học

46	1	Nguyễn Văn Thiện	07/07/1996	Nam	6.9	Chăn nuôi	Chính quy
47	2	Hứa Như Anh	02/05/1982	Nam	6.4	Chăn nuôi	Chính quy
48	3	Đặng Đình Quyết	24/10/1979	Nam	6.0	Chăn nuôi	Chính quy
49	4	Thái Thị Ánh Ngọc	28/03/1982	Nữ	7.4	Công nghệ thực phẩm	VLVH
50	5	Đỗ Anh Tuấn	07/07/1993	Nam	6.8	Công nghệ thực phẩm	VLVH
51	6	Nguyễn Thanh Thuý	05/07/1985	Nữ	6.3	Công nghệ thực phẩm	VLVH
52	7	Nguyễn Thị Hồng	28/02/1990	Nữ	8.3	Kế toán	Chính quy
53	8	Dương Thị Thu Thủy	01/10/1995	Nữ	7.3	Kế toán	Chính quy
54	9	Nguyễn Thị Lương	04/08/1981	Nữ	6.9	Quản lý đất đai	Chính quy
55	10	Ngô Thị Ngọc	14/03/1994	Nữ	6.7	Quản lý đất đai	Chính quy
56	11	Đỗ Đức Quỳnh	19/12/1983	Nam	6.7	Quản lý đất đai	Chính quy
57	12	Nguyễn Anh Tú	02/10/1996	Nam	6.7	Quản lý đất đai	Chính quy
58	13	Hoàng Văn Quang	01/08/1988	Nam	6.6	Quản lý đất đai	Chính quy
59	14	Tổng Thị Lý	28/03/1979	Nữ	6.4	Quản lý đất đai	Chính quy
60	15	Hứa Chí Thân	02/01/1982	Nam	5.8	Thú y	Chính quy

3, Liên thông Trung cấp - Đại học

61	1	Chu Thị Ái	05/03/2001	Nữ	7.7	Kế toán	VLVH
62	2	Dương Văn Khôi	22/02/1988	Nam	7.6	Kế toán	Chính quy
63	3	Nguyễn Ngọc Cẩm Thuý	07/05/1991	Nữ	7.5	Kế toán	VLVH
64	4	Ngô Thị Ninh	16/06/1982	Nữ	7.4	Kế toán	Chính quy
65	5	Trần Huy Hoàng	15/09/1992	Nam	7.2	Kế toán	Chính quy
66	6	Phạm Thị Thanh Loan	17/02/1993	Nữ	7.1	Kế toán	VLVH
67	7	Nguyễn Thị Én	07/01/1979	Nữ	7.0	Kế toán	Chính quy
68	8	Lê Thị Mỹ Danh	16/06/1993	Nữ	7.0	Kế toán	VLVH
69	9	Phan Thị Uyên Trâm	01/06/1992	Nữ	6.8	Kế toán	VLVH
70	10	Phạm Thị Lan	20/09/1985	Nữ	6.3	Kế toán	Chính quy
71	11	Phạm Thị Thanh Vân	14/12/1981	Nữ	6.3	Kế toán	Chính quy
72	12	Nguyễn Khắc Thành	10/05/1994	Nam	7.8	Kinh tế	Chính quy
73	13	Tạ Văn Hiền	30/08/1979	Nam	7.1	Kinh tế	Chính quy
74	14	Nguyễn Thành Vân	12/07/1972	Nam	7.1	Kinh tế	Chính quy
75	15	Nguyễn Văn Uyên	02/01/1969	Nam	6.8	Kinh tế	Chính quy
76	16	Trần Ngọc Bằng	13/09/1983	Nam	7.0	Quản lý đất đai	Chính quy
77	17	Hoàng Văn Sạch	01/03/1993	Nam	7.8	Thú y	Chính quy
78	18	Lại Thị Thanh Bình	01/08/1996	Nữ	7.3	Thú y	Chính quy

(Tổng số 78 thí sinh theo danh sách)